TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TTĐ, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TTĐ, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Nguyễn Kim T:*

Hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nmhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tạu Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/7/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà T và ông T đã ly thân cách nay khoảng 10 năm, xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Con chung: Bà T và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Mỷ A, sinh ngày 25/10/2002 (giới tính nữ) và Trương Nhựt M, sinh ngày 29/3/2005 (giới tính nam). Cháu Mỷ A đã trưởng thành, cháu Minh hiện do bà T đang nuôi dạy. Khi ky hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy conm chung, không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trương Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có nơi cư trú tại Ấp TTĐ, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Trương Văn T vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Kim T xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/7/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà T và ông T có khoảng thời gian dài sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, do ông T vắng mặt tại các phiên hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Mỷ A, sinh ngày 25/10/2002 (giới tính nữ) và Trương Nhựt M, sinh ngày 29/3/2005 (giới tính nam), cháu Minh hiện do bà T đang nuôi dạy. Khi ky hôn, Cháu Mỷ A đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Nhựt M. Xét thấy, cháu Minh từ trước đến nay đã chung sống ổn định với bà T, cháu Minh đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống chung với bà T, ông T không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi dạy con chung của bà T nên cần chấp nhận để cho bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà T không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Tài sản chung: Bà T xác định không có, ông T không có ý kiến gì về tài sản chung vợ chồng nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, ông T không có ý kiến gì về vấn đề nợ chung vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim T và ông Trương Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc ly hôn đối với ông Trương Văn T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Trương Văn T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trương Nhựt M, sinh ngày 29/3/2005 (giới tính nam) cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Bà T không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

nên không xem xét. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 13 tháng 4 năm 2022, bà T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0014882 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh